

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÁT  
TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Quý 2 năm 2014*

HẢI PHÒNG , THÁNG 07 NĂM 2014

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Quý 2 năm 2014

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/06/2014 VND</b>	<b>01/01/2014 VND</b>
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>			<b>11.245.759.688</b>	<b>17.340.434.245</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>3.553.724.964</b>	<b>4.912.872.761</b>
1. Tiền	111	V.01	1.521.724.964	1.777.872.761
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.032.000.000	3.135.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	V.02	<b>0</b>	<b>0</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		0	0
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>3.185.759.334</b>	<b>4.671.190.246</b>
1. Phải thu khách hàng	131		1.396.097.620	1.955.990.620
2. Trả trước cho người bán	132		1.724.739.580	2.643.181.380
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	267.171.216	274.267.328
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(202.249.082)	(202.249.082)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>2.703.251.447</b>	<b>6.531.113.811</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.04	2.703.251.447	6.531.113.811
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.803.023.943</b>	<b>1.225.257.427</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		108.773.176	206.515.834
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		454.299.616	699.671.442
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.05	321.582.151	319.070.151
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		918.369.000	
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>7.291.095.923</b>	<b>7.837.017.869</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>6.952.158.658</b>	<b>7.570.190.834</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	6.661.501.386	7.324.988.107
- Nguyên giá	222		19.249.173.681	19.249.173.681
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.587.672.295)	(11.924.185.574)
4. Chi phí XDCB dở dang	230	V.11	290.657.272	245.202.727
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	V12	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>330.000.000</b>	<b>245.000.000</b>
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V13	330.000.000	245.000.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>8.937.265</b>	<b>21.827.035</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	8.937.265	21.827.035
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>18.536.855.611</b>	<b>25.177.452.114</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Quý 2 năm 2014

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>9.497.744.571</b>	<b>14.224.454.828</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>8.993.549.571</b>	<b>12.711.869.828</b>
2. Phải trả cho người bán	312		86.569.241	323.289.364
3. Người mua trả tiền trước	313		8.752.952.586	11.952.021.476
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	77.034.000	77.034.000
5. Phải trả người lao động	315		0	0
6. Chi phí phải trả	316	V.17	48.611.111	178.561.778
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	139.167.760	291.748.337
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(110.785.127)	(110.785.127)
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>504.195.000</b>	<b>1.512.585.000</b>
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		504.195.000	1.512.585.000
<b>B - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>9.039.111.040</b>	<b>10.952.997.286</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.22</b>	<b>9.039.111.040</b>	<b>10.952.997.286</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		10.820.000.000	10.820.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.705.242.440	2.705.242.440
4. Cổ phiếu quỹ	414		(732.913.268)	(732.913.268)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		54.755.669	54.755.669
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		281.527.658	281.527.658
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		(4.089.501.459)	(2.175.615.213)
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>18.536.855.611</b>	<b>25.177.452.114</b>

Hải Phòng, ngày 08 tháng 7 năm 2014

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Quý 2 năm 2014

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý2		Lũy kế từ đầu năm	
			Năm 2014 VND	Năm 2013 VND	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	3.412.439.445	(171.238.255)	3.916.634.445	544.489.745
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>3.412.439.445</b>	<b>(171.238.255)</b>	<b>3.916.634.445</b>	<b>544.489.745</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	4.462.806.260	(412.305.866)	4.812.851.914	49.766.291
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>(1.050.366.815)</b>	<b>241.067.611</b>	<b>(896.217.469)</b>	<b>494.723.454</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	42.426.189	111.844.153	87.665.608	342.412.698
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	0	0	0	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		596.717.267	585.407.640	1.105.334.385	1.056.142.023
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(1.604.657.893)</b>	<b>(232.495.876)</b>	<b>(1.913.886.246)</b>	<b>(219.005.871)</b>
11. Thu nhập khác	31		0	390.461.417	0	390.461.417
12. Chi phí khác	32		0	161.555.134	0	161.555.134
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>0</b>	<b>228.906.283</b>	<b>0</b>	<b>228.906.283</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>(1.604.657.893)</b>	<b>(3.589.593)</b>	<b>(1.913.886.246)</b>	<b>9.900.412</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30		42.786.213		48.840.865
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>(1.604.657.893)</b>	<b>(46.375.806)</b>	<b>(1.913.886.246)</b>	<b>(38.940.453)</b>
<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>		<b>(1.626,21)</b>	<b>(46,99)</b>	<b>(1.939,60)</b>	<b>(39,45)</b>

Hải Phòng, ngày 08 tháng 7 năm 2014

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ***(Theo phương pháp trực tiếp)*

Quý 2 năm 2014

TT	Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	30/06/2014 VND	30/06/2013 VND
<b>I</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	559.893.000	198.000.000
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá, dịch vụ	02	(750.071.523)	(8.778.212.885)
3	Tiền chi trả cho người lao động	03	(682.665.726)	(775.559.424)
4	Tiền chi trả lãi vay	04	(178.561.778)	
5	Tiền chi nộp thuế TNDN	05	0	(220.210.669)
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.264.965.413	157.373.285
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(1.745.372.791)	(1.507.979.739)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(1.531.813.405)</b>	<b>(10.926.589.432)</b>
<b>II</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1	Tiền chi để mua sắm, xd TSCĐ và các TSDH khác	21		
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(14.000.000.000)
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		21.468.000.000
5	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	85.000.000	(15.000.000)
6	Tiền thu hồi vốn đầu tư vào đơn vị khác	26		0
7	Thu lãi tiền gửi, tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	87.665.608	719.498.677
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>172.665.608</b>	<b>8.172.498.677</b>
<b>III</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	0	0
2	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu	32		(3.975.840)
3	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn đã nhận được	33		
4	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		
5	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		0
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>0</b>	<b>(3.975.840)</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(1.359.147.797)</b>	<b>(2.758.066.595)</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>4.912.872.761</b>	<b>6.995.709.201</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		46.688
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>3.553.724.964</b>	<b>4.237.689.294</b>

Hải Phòng, ngày 08 tháng 07 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**I- ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1- Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển cơ sở hạ tầng (CINDE) (dưới đây viết tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được thành lập theo Quyết định số 876/QĐ-UB ngày 28/5/1999 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc chuyển Xí nghiệp Xây dựng Tổng hợp trực thuộc Công ty Xây dựng và Phát triển Cơ sở hạ tầng thành Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển cơ sở hạ tầng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 055555 đăng ký lần đầu ngày 02/6/1999, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 03/12/2009.

Trụ sở Công ty đặt tại Khu điều hành cụm công nghiệp Vĩnh Niệm, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty: **10.820.000.000** đồng (Mười tỷ, tám trăm hai mươi triệu đồng chẵn). Trong đó:

- Vốn góp của Nhà nước: 976.320.000 đồng (Chín trăm bảy mươi sáu triệu ba trăm hai mươi ngàn đồng chẵn), chiếm tỷ lệ 9,02% vốn điều lệ.
- Vốn góp của cổ đông: 9.843.680.000 đồng (Chín tỷ tám trăm bốn mươi ba triệu, sáu trăm tám mươi ngàn đồng chẵn), chiếm tỷ lệ 90,98% vốn điều lệ.

Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần.

**2- Lĩnh vực kinh doanh chính**

Trong năm 2014, lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là xây dựng các công trình công nghiệp, công cộng, giao thông, thủy lợi, cơ sở hạ tầng; kinh doanh và tư vấn xây dựng, tư vấn đầu tư và giám sát công trình xây dựng.

**3- Ngành nghề kinh doanh**

- Xây dựng các công trình công nghiệp, công cộng, dân dụng, giao thông, thủy lợi, cơ sở hạ tầng, lắp máy, điện nước;
- Xây dựng và cải tạo lưới điện cao thế, hạ thế đến cấp điện áp 35KV;
- Kinh doanh và tư vấn xây dựng, tư vấn đầu tư và giám sát công trình xây dựng. Kinh doanh cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp, khu chế xuất;
- Kinh doanh vật liệu, máy và thiết bị xây dựng, bất động sản, vật tư, nguyên liệu để làm xà phòng, hàng tiêu dùng, hóa mỹ phẩm, công nghệ phẩm, nông sản; khai thác vật liệu xây dựng;
- Sản xuất, gia công cơ khí.

**II- KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1- Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc tại ngày 31/12 hàng năm.

---

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### **2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính là đồng Việt Nam (Đồng).

## **III- CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1- Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty thực hiện công tác kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

### **2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp

### **3- Hình thức kế toán áp dụng**

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính.

## **IV- CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các khoản tiền được ghi nhận trong Báo cáo tài chính gồm: Tiền mặt, tiền gửi thanh toán tại các Ngân hàng.

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền: Các khoản tương đương tiền được phản ánh trong Báo cáo tài chính là các khoản đầu tư ngắn hạn Công ty đang nắm giữ có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng Việt Nam: Các nghiệp vụ phát sinh không phải là đồng Việt Nam (ngoại tệ) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh. Số dư tiền và các khoản công nợ có gốc ngoại tệ tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính ("Thông tư 179") về việc "Ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp.

### **2- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 về việc “*Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp*” và Thông tư 34/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi Thông tư số 228/2009/TT-BTC.

**3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ**

Tài sản cố định của Công ty được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ: Theo nguyên tắc giá gốc.

Phương pháp khấu hao tài sản cố định: TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định được ban hành kèm theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 10/6/2013 của Bộ Tài chính về việc “*Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định*”.

**4- Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm: chi phí mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng

**5- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính chính và dự phòng giảm giá đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận theo giá gốc.

Nguyên tắc lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn: Theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 về việc “*Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp*” và Thông tư số 34/2011/TT-BTC ngày 14/03/2011 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009

**6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

**Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn tại Công ty bao gồm:** Chi phí sửa chữa TSCĐ, giá trị còn lại của các tài sản cố định không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính, công cụ, dụng cụ xuất dùng một lần với giá trị lớn và bản thân công cụ, dụng cụ tham gia vào hoạt động kinh doanh trên một năm tài chính phải phân bổ dần vào các đối tượng chịu chi phí trong nhiều năm tài chính.

**Phương pháp phân bổ chi phí trả trước:** Công ty phân bổ khoản chi phí này theo phương pháp đường thẳng cho số năm ước tính mà khoản chi phí này phục vụ quá trình kinh doanh.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả: Ghi nhận các khoản chi phí cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ nhưng thực tế chưa phát sinh việc chi trả; các khoản chi phí phải trả nhà thầu phụ của các hợp đồng đã ghi nhận doanh thu nhưng Công ty chưa thực hiện việc quyết toán đối với các nhà thầu phụ này.

Cơ sở ghi nhận các khoản trích trước dựa vào khối lượng công việc tương ứng đã được ghi nhận doanh thu trong kỳ và đơn giá giao khoán trong các hợp đồng giao khoán nội bộ liên quan.

**10- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần: Được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa giá trị thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu của công ty khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu ngân quỹ: Được ghi nhận theo giá thực tế mua lại bao gồm giá mua lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua lại cổ phiếu như chi phí giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận theo chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh do thay đổi tỷ giá chuyển đổi tiền tệ khi ghi sổ kế toán, chưa được xử lý tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN (nếu có) và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc tăng giảm vốn điều lệ và phân phối lợi nhuận được thực hiện theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên.

**11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng: Tuân thủ 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - *Doanh thu và thu nhập khác*, doanh thu được ghi nhận khi công việc đã hoàn thành, được khách hàng xác nhận trong kỳ và được phản ánh trên hóa đơn đã lập. Phần công việc đã hoàn thành của hợp đồng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp đánh giá.

Doanh thu hoạt động cho thuê nhà xưởng được xác định căn cứ trên hóa đơn GTGT và phân bổ cho từng tháng theo hợp đồng cho thuê đã ký.

Doanh thu hoạt động xây lắp được ghi nhận khi giá trị xây lắp được xác định một cách đáng tin cậy căn cứ vào biên bản nghiệm thu khối lượng công trình hoàn thành và phiếu giá xác định giữa chủ đầu tư và Công ty, kế toán lập hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán. Doanh thu được ghi nhận theo giá bán chưa có thuế GTGT.

**12- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ bao gồm: Chi phí lãi tiền vay; Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ; Các khoản đầu tư tài chính khác. Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**13- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành 22%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**15- Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

Thuế giá trị gia tăng: Công ty áp dụng phương pháp tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Các loại thuế, phí khác được thực hiện theo quy định về thuế, phí hiện hành của Nhà nước.

**17- Công cụ tài chính****Tài sản tài chính**

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, các tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác.

**Giá trị sau khi ghi nhận lần đầu**

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tình hình tài chính khi và chỉ khi đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG**

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Vĩnh Niệm - Lê Chân - Hải Phòng

Tel: (031) 387 0577 Fax: (031) 387 0576

**Mẫu số B 09 – DN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006QĐ-BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/06/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>Đồng</b>	<b>Đồng</b>
<b>Tiền</b>	<b>1.521.724.964</b>	<b>1.777.872.761</b>
Tiền mặt tại quỹ	25.498.534	14.068.942
Tiền gửi ngân hàng (*)	1.496.226.430	1.763.803.819
<b>Các khoản tương đương tiền</b>	<b>2.032.000.000</b>	<b>3.135.000.000</b>
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	2.032.000.000	3.135.000.000
<b>Cộng</b>	<b>3.553.724.964</b>	<b>4.912.872.761</b>

**(\*) Chi tiết tiền gửi ngân hàng**

	<b>30/06/2014</b>	<b>1/1/2014</b>
	<b>Đồng</b>	<b>Đồng</b>
<b>Tiền gửi đồng Việt Nam tại:</b>		
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Hải Phòng	925.199.715	1.084.042.202
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - chi nhánh Hải Phòng	1.859.816	1.849.712
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - chi nhánh Lê Chân	1.217.863	1.211.246
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - chi nhánh Hồng Bàng	561.461.676	669.506.960
- Ngân hàng Việt Nam thịnh vượng - chi nhánh Hải Phòng	1.764.160	1.757.081
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - chi nhánh Hải Phòng	494.644	980.195
- Tiền gửi tại Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn- chi nhánh Hải Phòng	805.053	1.035.782
- Ngân hàng TMCP Bảo Việt - chi nhánh Hải Phòng	526.353	523.930
<b>Tiền gửi USD tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải - chi nhánh Hồng Bàng</b>	<b>2.896.711</b>	<b>2.896.711</b>
<b>Cộng</b>	<b>1.496.226.430</b>	<b>1.763.803.819</b>

**3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	<b>30/06/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>Đồng</b>	<b>Đồng</b>
Phải thu ông Nguyễn Minh Thủy- XNXD số 7	156.537.449	156.537.449
Phải thu tiền bảo hiểm ông Vũ Đức Thuận-XNXD số 3	9.366.246	9.366.246
Phải thu tiền bảo hiểm ông Mai Khắc Hải		4.600.000
Lãi tiền gửi ngân hàng(khoản dự thu)		6.949.306
Phải thu khác của XNXD3	89.263.003	89.263.003
Phải thu khác(tiền điện nước )	12.004.518	7.551.324
<b>Cộng</b>	<b>267.171.216</b>	<b>274.267.328</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG**

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Vĩnh Niệm - Lê Chân - Hải Phòng

Tel: (031) 387 0577 Fax: (031) 387 0576

**Mẫu số B 09 – DN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**4. Hàng tồn kho**

	<b>30/06/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>Đồng</b>	<b>Đồng</b>
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.703.251.447	6.531.113.811
<b>Cộng</b>	<b>2.703.251.447</b>	<b>6.531.113.811</b>

**5. THUẾ và các khoản phải thu nhà nước**

	<b>30/06/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>Đồng</b>	<b>Đồng</b>
Thuế đất nộp thừa	253.886.000	253.886.000
Thuế đất phi nông nghiệp nộp thừa		8.686.000
Thuế TNDN nộp thừa	7.192.361	7.192.361
Thuế GTGT nộp thừa	60.503.790	49.305.790
<b>Cộng</b>	<b>321.582.151</b>	<b>319.070.151</b>

**8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

*Đơn vị: đồng.*

Nội dung	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại 01/01/2014	15.253.486.440	2.866.718.249	1.097.168.992	31.800.000	19.249.173.681
- Mua					
- Giảm theo 45/2013/TT-BTC					
Tại 30/06/2014	15.253.486.440	2.866.718.249	1.097.168.992	31.800.000	19.249.173.681
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại 01/01/2014	8.966.856.755	1.833.999.648	1.091.529.171	31.800.000	11.924.185.574
- Khấu hao trong kỳ	506.556.438	151.290.462	5.639.821	0	663.486.721
- Giảm theo 45/2013/TT-BTC					
Tại 30/06/2014	9.473.413.193	1.985.290.110	1.097.168.992	31.800.000	12.587.672.295
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại 01/01/2014	6.286.629.685	1.032.718.601	5.639.821	0	7.324.988.107
Tại 30/06/2014	5.780.073.247	881.428.139	0	0	6.661.501.386

**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>30/06/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>Đồng</b>	<b>Đồng</b>
Trang trí nội thất nhà văn phòng tại thành phố Hồ Chí Minh của Công ty	227.272.727	227.272.727
Thiết bị báo động nhà văn phòng tại thành phố Hồ Chí Minh của Công ty	17.930.000	17.930.000
Máy tính Apple	45.454.455	
<b>Cộng</b>	<b>290.657.272</b>	<b>245.202.727</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG**

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Vĩnh Niệm - Lê Chân - Hải Phòng

Tel: (031) 387 0577 Fax: (031) 387 0576

**Mẫu số B 09 – DN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006QĐ-BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**13. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	<u>30/06/2014</u> Đồng	<u>01/01/2014</u> Đồng
Góp vốn đầu tư xây dựng nhà nuôi yến tại thôn Mỹ á, phường Ninh Thủy, thị xã Ninh Hoà, tỉnh Khánh Hoà	330.000.000	245.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>330.000.000</u></b>	<b><u>245.000.000</u></b>

**14. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>30/06/2014</u> Đồng	<u>01/01/2014</u> Đồng
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	8.937.265	21.827.035
<b>Cộng</b>	<b><u>8.937.265</u></b>	<b><u>21.827.035</u></b>

**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>30/06/2014</u> Đồng	<u>01/01/2014</u> Đồng
Tiền thuế cơ sở hạ tầng	77.034.000	77.034.000
<b>Cộng</b>	<b><u>77.034.000</u></b>	<b><u>77.034.000</u></b>

**17. Chi phí phải trả**

	<u>30/06/2014</u> Đồng	<u>01/01/2014</u> Đồng
Trích trước phí bảo lãnh phải nộp	48.611.111	178.561.778
<b>Cộng</b>	<b><u>48.611.111</u></b>	<b><u>178.561.778</u></b>

**18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>30/06/2014</u> Đồng	<u>01/01/2014</u> Đồng
Bảo hiểm XH, BHYT, BHTN phải nộp cho BHLê Chân	0	4.600.000
Cổ tức phải trả cho cổ đông chưa lưu ký	2.672.954	56.370.554
Phải trả các đội tiền thuế GTGT	136.494.806	230.777.783
<b>Cộng</b>	<b><u>139.167.760</u></b>	<b><u>291.748.337</u></b>

**22. Nguồn vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chi tiêu	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư 01/01/2014	10.820.000.000	2.705.242.440	(732.913.268)	54.755.669	281.527.658	(2.175.615.213)	10.952.997.286
Lỗ	0	0		0	0	(1.913.886.246)	(1.913.886.246)
Số dư 30/06/2014	10.820.000.000	2.705.242.440	(732.913.268)	54.755.669	281.527.658	(4.089.501.459)	9.039.111.040

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>30/06/2014</u> Đồng	<u>01/01/2014</u> Đồng
Vốn góp của nhà nước	976.320.000	976.320.000
Vốn góp của các đối tượng khác	9.843.680.000	9.843.680.000
<b>Cộng</b>	<b><u>10.820.000.000</u></b>	<b><u>10.820.000.000</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG**

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Vĩnh Niệm - Lê Chân - Hải Phòng

Tel: (031) 387 0577 Fax: (031) 387 0576

**Mẫu số B 09 – DN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006QĐ-BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<b>30/06/2014</b> <b>Đồng</b>	<b>01/01/2014</b> <b>Đồng</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	10.082.000.000	10.082.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	0	0
+ Vốn góp giảm trong năm	0	0
+ Vốn góp cuối năm	10.082.000.000	10.082.000.000
- <b>Cổ tức lợi nhuận đã chia</b>		<b>542.795.000</b>

**đ. Cổ phiếu**

	<b>30/06/2014</b> <b>(cổ phiếu)</b>	<b>01/01/2014</b> <b>(cổ phiếu)</b>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.082.000	1.082.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.082.000	1.082.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.082.000	1.082.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	0	0
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	97.100	97.100
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	97.100	97.100
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	0	0
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	984.900	984.900
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	984.900	984.900
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	0	0

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

**e. Các quỹ của doanh nghiệp**

	<b>30/06/2014</b> <b>Đồng</b>	<b>01/01/2014</b> <b>Đồng</b>
Quỹ đầu tư phát triển	54.755.669	54.755.669
Quỹ dự phòng tài chính	281.527.658	281.527.658
<b>Cộng</b>	<b>336.283.327</b>	<b>336.283.327</b>

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.
- Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng để bù đắp các rủi ro phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG**

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Vĩnh Niệm - Lê Chân - Hải Phòng

Tel: (031) 387 0577 Fax: (031) 387 0576

**Mẫu số B 09 – DN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006QĐ-BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***VI- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****25. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2014 đồng	Năm 2013 đồng	Năm 2014 đồng	Năm 2013 đồng
Doanh thu hợp đồng xây dựng	2.908.244.445	(841.966.255)	2.908.244.445	(841.966.255)
Doanh thu cung cấp dịch vụ	504.195.000	670.728.000	1.008.390.000	1.386.456.000
<b>Cộng</b>	<b>3.412.439.445</b>	<b>(171.238.255)</b>	<b>3.916.634.445</b>	<b>544.489.745</b>

**27. Giá vốn hàng bán**

	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2014 đồng	Năm 2013 đồng	Năm 2014 đồng	Năm 2013 đồng
Giá vốn hợp đồng xây dựng	4.000.000.000	(850.825.052)	4.000.000.000	(850.825.052)
Giá vốn cung cấp dịch vụ	462.806.260	438.519.186	812.851.914	900.591.343
<b>Cộng</b>	<b>4.462.806.260</b>	<b>(412.305.866)</b>	<b>4.812.851.914</b>	<b>49.766.291</b>

**26. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2014 đồng	Năm 2013 đồng	Năm 2014 đồng	Năm 2013 đồng
Lãi tiền gửi ngân hàng	42.426.189	111.797.465	87.665.608	342.366.010
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		46.688		46.688
<b>Cộng</b>	<b>42.426.189</b>	<b>111.844.153</b>	<b>87.665.608</b>	<b>342.412.698</b>

**28. Chi phí tài chính**

	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2014 đồng	Năm 2013 đồng	Năm 2014 đồng	Năm 2013 đồng
<b>Cộng</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG**

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Vĩnh Niệm - Lê Chân - Hải Phòng

Tel: (031) 387 0577 Fax: (031) 387 0576

**Mẫu số B 09 – DN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006QĐ-BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**30. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2014 đồng	Năm 2013 đồng	Năm 2014 đồng	Năm 2013 đồng
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(1.604.657.893)	(3.589.593)	(1.913.886.246)	9.900.412
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận khi tính thuế TNDN		174.781.134		185.463.046
Tổng lợi nhuận tính thuế	(1.604.657.893)	171.144.853	(1.913.886.246)	195.363.458
Chi phí thuế TNDN hiện hành	0	42.786.213	0	48.840.865
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>(1.604.657.893)</b>	<b>42.786.213</b>	<b>(1.913.886.246)</b>	<b>48.840.865</b>

**35. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2014 đồng	Năm 2013 đồng	Năm 2014 đồng	Năm 2013 đồng
LN kế toán sau thuế TNDN	(1.604.657.893)	(46.375.806)	(1.913.886.246)	(38.940.453)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	986.745	986.900	986.745	987.092
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.626)	(46)	(1.939)	(39)

**VIII- NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh đầu kỳ trên Bảng cân đối kế toán được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển cơ sở hạ tầng đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC).

Hải Phòng, ngày 08 tháng 7 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc